

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Sĩ Trung.
2. Bà Ngô Thị Út Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hoa M**, sinh năm 1975. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Khu vực A, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: Khu vực B, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh **Chu Đình T**, sinh năm 1970. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu vực A, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2018 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoa M trình bày:

Năm 1998, sau một thời gian tìm hiểu, chị và anh Chu Đình T đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân phường Phước Thới vào ngày 01/8/1998. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên thường hay cãi nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn và ngày càng nghiêm trọng hơn nên anh T đã bỏ đi làm ăn xa từ năm 2009, thỉnh thoảng mới về nhà một lần rồi lại đi. Mỗi khi anh T về thì vợ chồng lại cãi nhau. Vào ngày 30/4/2018, trong lúc vợ chồng cãi nhau, anh T đã đập phá gây hư hỏng chiếc xe máy của chị và hù dọa chị nên chị không dám ở lại nhà mà đến tạm trú tại trường học nơi chị đang công tác. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không có liên lạc và cũng không hàn gắn được với nhau. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Chu Đình Th (nam, sinh ngày 09/5/2001) và Chu Đình Thành Đ (nam, sinh ngày 28/3/2007). Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung đến trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu giải quyết tài sản chung của vợ chồng gồm: Diện tích đất 326m² thuộc thửa 1055, tờ bản đồ số 03, Giấy CNQSD đất số 00429 cấp ngày 03/3/2003 do hộ ông Chu Đình T đứng tên. 01 căn nhà cấp 4 cất trên thửa 1055, chiều ngang 4m x dài 16m, trị giá căn nhà khoảng 400.000.000 đồng. Nhà, đất tọa lạc tại khu vực A, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, nay chị xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, chị và anh T tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai đề ngày 23/5/2018 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Chu Đình T trình bày:

Anh thống nhất ý kiến với phần trình bày của chị Nguyễn Thị Hoa M về quá trình xây dựng hôn nhân giữa anh và chị M. Việc chị M cho rằng mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2000 là không đúng vì thời điểm đó anh chị vẫn chưa sinh cháu Đ. Còn việc chị M cho rằng anh bỏ nhà đi từ năm 2009 cũng không đúng, bởi vì anh đi làm công trình cầu đường ở xa nhà, mỗi khi được nghỉ thì anh trở về và làm thêm tiệm sửa xe tại nhà. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh vợ chồng chỉ mới phát sinh mâu thuẫn thời gian gần đây, do anh nghi ngờ chị M có quan hệ tình cảm với một đồng nghiệp của chị M. Anh cũng đã cố gắng hàn gắn để vợ chồng tiếp tục chung sống để lo cho con nhưng chị M không đồng ý. Anh xác định anh đã không còn tình cảm với chị M nhưng vì thương con nên anh không đồng ý ly hôn với chị M.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Chu Đình Th (nam, sinh ngày 09/5/2001) và Chu Đình Thành Đ (nam, sinh ngày 28/3/2007). Trường hợp ly hôn, anh đồng ý để chị M được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung đến trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Vụ kiện được Tòa án thụ lý theo luật định. Tại phiên hòa giải, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoa M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Chu Đình T. Đồng thời, chị M yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung đến trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị M rút lại yêu cầu chia tài sản chung, chị M và anh T tự thỏa thuận. Về nợ chung không có.

- Bị đơn anh Chu Đình T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Hoa M và anh Chu Đình T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, chị M khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 1998, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị M thì nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường hay cãi nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Đồng thời, anh T nghi ngờ chị không chung thủy, thường hay ghen tuông vô cớ ảnh hưởng đến uy tín và danh dự của chị. Vợ chồng đã mâu thuẫn với nhau từ nhiều năm trước, chị đã nhiều lần có ý định ly hôn nhưng anh T không đồng ý nên chị đã cố gắng duy trì hôn nhân đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Tại phiên hòa giải, anh T cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh nghi ngờ chị M có quan hệ tình cảm với đồng nghiệp của chị M, anh và gia đình của anh đã nhiều lần bắt gặp chị M đi cùng với người đàn ông đó nhưng chị M phủ nhận và cho rằng chỉ là quan hệ đồng nghiệp bình thường. Anh T xác định đã không còn tình cảm với chị M nhưng do muốn giữ cho các con anh có được gia đình trọn vẹn nên anh không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, chị M có yêu cầu ly hôn, anh T không đồng ý. Tại phiên hòa giải, anh T xác định đã không còn tình cảm với chị M, việc níu kéo cuộc hôn nhân này chỉ vì thương con. Hội đồng xét xử xét thấy, để duy trì một cuộc hôn nhân hạnh phúc thì tình cảm là yếu tố quan trọng không thể thiếu và phải xuất phát từ cả hai phía. Tuy nhiên, chị M và anh T đều xác định đã không còn tình cảm với nhau, vợ chồng đã ly thân nhau từ đầu tháng 5 năm 2018 đến nay vẫn không thể hàn gắn được. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị M và anh T cùng thừa nhận có 02 con chung tên Chu Đình Th (nam, sinh ngày 09/5/2001) và Chu Đình Thành Đ (nam, sinh ngày 28/3/2007). Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th và cháu Đ đến trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, cháu Th và cháu Đ có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị M. Anh T đồng ý. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và sự thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu Th, cháu Đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Mặc dù anh T không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho anh T quyền được quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở anh T thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: Do chị M và anh T đã thống nhất tự thỏa thuận với nhau, chị M rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Xét đây là sự tự nguyện của

đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận đồng thời căn cứ Điều 217 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết yêu cầu này của chị M.

[5] Về nợ chung: Chị M và anh T cùng thừa nhận không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 244; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoa M.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hoa M được ly hôn với anh Chu Đình T.

- Về con chung: Giao cháu Chu Đình Th (nam, sinh ngày 09/5/2001) và Chu Đình Thành Đ (nam, sinh ngày 28/3/2007) cho chị M nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị M về việc chia tài sản chung. Chị M và anh T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị M và anh T cùng thừa nhận không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hoa M phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 5.300.000 đồng (*Năm triệu, ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm

ứng án phí số 001884 ngày 07/5/2018, chị M được nhận lại số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P. Phước Thới;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế